TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 11-5-2020
V/v *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Danh – Cán bộ hưu trí
Bà Thiều Thị Phi Loan – Nguyên Phó chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ thành phố B.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 578/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1991

Thường trú: 278A, đường B, phường 24, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bị đơn: Ông Cù Quang L, sinh năm 1993
Thường trú: Số E24A, khu phố 5, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ hiện nay: Cơ sở Điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai.
(Bà H và ông L có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp nhận, công khai chứng cứ - nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Cù Quang L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai vào năm 2018, hôn nhân tự nguyện. Cuộc sống vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng

không quan tâm, yêu thương nhau, ông L không chăm lo gia đình, không tu chí làm ăn, ông bà đã cố gắng hàn gắn nhưng không được. Bà H nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Cù Quang L.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Theo bản tự khai - Bị đơn ông Cù Quang L trình bày**:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Thanh H kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân phường Long Bình, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn đúng như bà H trình bày.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống của hai vợ chồng nhiều bất đồng. Cả hai vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay ông L xác định tình cảm không còn nên đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh H.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bà Nguyễn Thị Thanh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Cù Quang L; Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp ly hôn". Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà Nguyễn Thị Thanh H là nguyên đơn còn ông Cù Quang L là bị đơn trong vụ án.

- Theo bản sao y chứng thực sổ hộ khẩu và tại Bản tự khai, đơn xin vắng mặt ngày 19/3/2020, ông Cù Quang L xác định hiện nay ông có đăng ký thường trú tại địa chỉ số E24A, khu phố 5, phường Long Bình, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; và đang điều trị nghiện ma túy bắt buộc tại Cơ sở Điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Ngày 17/4/2020, bà Nguyễn Thị Thanh H có đơn xin xét xử vắng mặt; Ngày 19/3/2020, ông Cù Quang L cũng có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt bà H và ông L theo quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông L tự nguyện kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân phường Long Bình, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do đó, cần áp dụng các quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không quan tâm, yêu thương nhau, ông L không chăm lo gia đình, không tu chí làm ăn, hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không được. Xét yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quý trọng chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng theo bà H và ông L trình bày, ông bà chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn đoàn tụ, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H yêu cầu ly hôn thì ông L đồng ý. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với ông Cù Quang L.

[3] Về con chung: Bà H và ông L trình bày, quá trình chung sống ông bà không có con chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà H và ông L trình bày tự thỏa thuận về tài sản chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà H và ông L trình bày không có nợ chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Thanh H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với ông Cù Quang L.

Về con chung: Bà H và ông L trình bày quá trình chung sống ông bà không có con chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H và ông L trình bày tự thỏa thuận về tài sản chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà H và ông L trình bày không có nợ chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh H phải nộp 300.000đ án phí, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0008239 ngày 06/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà H đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm

Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Cù Quang L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND TP. B;
- THA dân sự ;
- Đương sự;
- UBND phường L;
- Lưu.

Nguyễn Thị Hoàng Phương